

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/DS-ST**

Ngày: 20/7/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Vũ Mạnh Huê**

Bà Vương Thúy Thìn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng TMCP Đ C VN (Ngân hàng Đ C)***

Trụ sở: số 22 Ng Q, quận H K, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Th – Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản của Ngân hàng. Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Ng, ông Lê Xuân Tr, ông Đỗ Văn V – Cán bộ Ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền số 9530/UQ-PVB ngày 26/5/2020). Bà Phạm Thị Ng có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: ***Ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng***

Cùng có hộ khẩu thường trú tại: số 204 A1 L Ch, phường Tr B, quận B Đ, thành phố Hà Nội. Hiện cùng cư trú tại: Ph 2110, tầng 21, Ch cư V – Bán đảo L Đ, đường

Ng D T, phường H L, quận H M, thành phố Hà Nội. Ông D và bà Ng hiện đang cùng làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và đầu tư N A; địa chỉ: 189 Th Nh, phường Th Nh, quận H B Tr, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của ông D là bà Nguyễn Thị Bích Ng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01/6/2020). Bà Nguyễn Thị Bích Ng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, vợ chồng ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng vay một khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ph T (nay là Ngân hàng TMCP Đ C VN) thông qua Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số 0207/2013/HĐTD-CN.HN ngày 05/7/2013 và Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013. Ông bà đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay là 3.600.000.000 đồng, thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày nhận nợ, mục đích vay vốn là: Vay mua nhà. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là nhà và đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Tổ 11 phường Th L, quận H M, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng.

Do vợ chồng ông D và bà Ng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản vay đã chuyển thành quá hạn. Đến tháng 3/2017, Ngân hàng cùng ông D bà Ng đã thống nhất được phương án bán tài sản bảo đảm để trả nợ. Sau khi bán tài sản thế chấp, ông D bà Ng đã thanh toán hết khoản nợ gốc cho Ngân hàng vào ngày 16/3/2017. Tính đến thời điểm trả hết nợ gốc ngày 16/3/2017, ông D bà Ng còn nợ Ngân hàng số tiền là: 2.141.351.238 đồng, trong đó: nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.558.736.401 đồng, lãi quá hạn: 582.614.837 đồng.

Về tài sản thế chấp là nhà và đất tại Tổ 11 phường Th L, quận H M, thành phố Hà Nội: Hiện nay tài sản này đã được chuyển nhượng hết cho người khác trên cơ sở phương án thỏa thuận giữa Ngân hàng và bên thế chấp nên Ngân hàng không còn yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp nêu trên trong vụ án này.

Sau ngày 16/3/2017, ông D và bà Ng có tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng một số lần nữa với tổng số tiền là 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Ngân hàng đã đối trừ khoản tiền này cho ông D bà Ng vào khoản nợ còn lại.

Kể từ thời điểm ông D bà Ng thanh toán hết nợ gốc, Ngân hàng tiếp tục tính lãi

phát sinh trên số tiền nợ lãi còn lại đối với ông D, bà Ng căn cứ theo các Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 7, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013.

Đến nay, Ngân hàng TMCP Đ C VN yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng phải trả cho Ngân hàng Đ C tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/9/2019, trong đó: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 2.713.519.556 đồng và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kể từ ngày 13/9/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

- Trong trường hợp ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng không thanh toán hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà Ng để thu hồi nợ.

Bị đơn – ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng (bà Ng là đại diện theo ủy quyền của ông D) thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất với lời khai của Ngân hàng TMCP Đ C VN về việc kí kết Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0207/2013/HĐTD-CN.HN ngày 05/7/2013, Hợp đồng thế chấp và Khế ước nhận nợ để vay số tiền là 3.600.000.000 đồng.

Tháng 3 năm 2017, sau khi bàn bạc phương án với Ngân hàng, ông bà đã chủ động chuyển nhượng hết tài sản bảo đảm để thanh toán một phần khoản vay. Ngày 16/3/2017, ông bà đã thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc còn lại là: 3.542.916.125 đồng. Ông bà thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng là tính đến ngày 16/3/2017, ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền là: 2.141.351.238 đồng, trong đó: nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.558.736.401 đồng, lãi quá hạn: 582.614.837 đồng. Sau thời gian trên, qua vài lần thanh toán, ông bà đã trả tiếp cho Ngân hàng tổng số tiền là 225.000.000 đồng.

Tuy nhiên từ sau thời điểm ngày 16/3/2017, Ngân hàng tiếp tục tính lãi trên số nợ lãi còn lại của vợ chồng ông bà là không hợp lý, ông bà không đồng ý trả lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ lãi này. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn.

Tại phiên tòa:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày tại Tòa án. Số tiền phát sinh sau ngày Bị đơn trả hết nợ gốc 16/3/2017 là số tiền lãi phát sinh trên nợ lãi còn lại căn cứ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ ký kết giữa các bên. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm 20/7/2020, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn thiếu là: 2.949.981.908 đồng, trong đó cụ thể: nợ gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.399.185.398 đồng, lãi quá hạn: 1.550.796.510 đồng và lãi phát sinh cho đến khi Bị đơn thanh toán hết khoản nợ. Đồng thời trong trường hợp ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng không thanh toán hết khoản nợ trên, đề nghị Tòa án tuyên trong bản án Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà Ng để thu hồi nợ.

Bị đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng tính khoản lãi phát sinh trên khoản nợ lãi còn lãi vì Nguyên đơn không giải trình được cụ thể về căn cứ và cách tích khoản phát sinh này, cũng như việc tiếp tục tính lãi là không phù hợp.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, hòa giải, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi, bao gồm nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2017, số tiền lãi trong hạn là: 1.558.736.401 đồng, lãi quá hạn: 582.614.837 đồng, được đối trừ số tiền 225.000.000 đồng Bị đơn đã trả bổ sung. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phát sinh sau ngày 16/3/2017 tính trên nợ lãi. Không chấp nhận yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án về việc Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát

mai, kê biên các tài sản hợp pháp khác của ông D bà Ng để thu hồi nợ. Về án phí yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. Về tố tụng:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn, Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Đ C VN với ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng với mục đích là mua nhà nên xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015.

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu thể hiện ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng hiện đang cùng làm việc tại Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Nh A có trụ sở tại: 189 Th Nh, phường Q L, quận H B Tr, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và Bị đơn cũng thống nhất đồng ý về Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc là nơi Bị đơn đang làm việc, vì việc này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các bên tham gia tố tụng.

[II]. Về nội dung vụ án:

1. Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ:

Ngân hàng TMCP Đ C VN (trước đây là Ngân hàng TMCP Phương Tây) và vợ chồng ông Tạ Hồng D, bà Nguyễn Thị Bích Ng đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 0207/2013/HĐTD-CN.HN ngày 05/7/2013 và Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013 để giải ngân số tiền vay 3.600.000.000 đồng, thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày nhận nợ, mục đích vay là: Vay mua nhà. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn và Khế ước nhận nợ nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 0207/2013/HĐTC-CN.HN ngày 05/7/2013: Nguyên đơn và Bị đơn (đồng thời là người thế chấp) đã thống nhất với nhau về việc xử lý tài sản thế chấp. Trên thực tế hiện nay tài sản bảo đảm đã được bên thế chấp chuyển nhượng hết cho cá nhân khác để thanh toán một phần khoản nợ.

Nguyên đơn cũng không có yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về yêu cầu khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán khoản nợ còn thiếu:

Trong vụ án này, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 là: 2.949.981.908 đồng, trong đó cụ thể: nợ gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.399.185.398 đồng, lãi quá hạn: 1.550.796.510 đồng, khoản tiền này bao gồm: nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn còn thiếu tính đến ngày 16/3/2017 và số tiền lãi phát sinh trên khoản tiền nợ lãi (hay tiền lãi phạt chậm trả lãi vay) của ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng. Hội đồng xét xử xem xét các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

* Đối với số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2017:

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn, Ngân hàng TMCP Đ C VN đã giải ngân cho ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng số tiền 3.600.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do có khó khăn về kinh tế, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã chuyển thành quá hạn. Các bên đã làm việc và thống nhất phương án bán tài sản thế chấp để Bị đơn thanh toán hết số nợ gốc còn lại là: 3.542.916.125 đồng thông qua Ủy nhiệm chi ngày 16/3/2017.

Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất trình bày tính đến ngày 16/3/2017 (thời điểm Bị đơn thanh toán hết tiền nợ gốc), Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là: 2.141.351.238 đồng, trong đó: nợ gốc là: 0 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.558.736.401 đồng, nợ lãi quá hạn là: 582.614.837 đồng.

Xét thấy, việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn còn thiếu là đúng với thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên cũng thống nhất với số nợ lãi trong hạn và quá hạn còn thiếu tính đến ngày 16/3/2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Đối với số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ lãi (hay tiền lãi phạt trên lãi chậm trả) kể từ ngày 16/3/2017:

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 01/6/2020, Nguyên đơn trình bày: Căn cứ theo

các Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 7, Điều 10 của Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn và Khế ước nhận nợ, sau khi Nguyên đơn trả hết nợ gốc ngày 16/3/2017, số nợ lãi còn lại Ngân hàng đã tiếp tục tính lãi phát sinh. Tại bản tự khai ngày 17/7/2020, Nguyên đơn trình bày số tiền yêu cầu Nguyên đơn thanh toán bao gồm: lãi trên gốc trong hạn, lãi trên gốc quá hạn và lãi phạt trên lãi chậm trả; tức là khoản tiền phát sinh sau ngày 16/3/2017 là lãi phạt trên lãi chậm trả và được tính theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước. Tại phiên tòa, Nguyên đơn lại trình bày số tiền phát sinh sau ngày 16/3/2017 là tiền lãi phát sinh trên nợ trong hạn và quá hạn còn lại của Bị đơn, thực tế: nợ lãi trong hạn và quá hạn mà Nguyên đơn yêu cầu thanh toán đều tăng lên sau thời điểm Bị đơn trả hết nợ gốc.

Ngày 23/6/2020, Tòa án đã ban hành Thông báo số 276/TB-TA yêu cầu Nguyên đơn phải giải thích rõ yêu cầu khởi kiện liên quan đến: *“Căn cứ pháp luật, phương pháp tính, công thức tính để xác định số tiền nợ lãi phát sinh của ông D bà Ng sau ngày 16/3/2017”*. Tuy nhiên hết thời hạn yêu cầu cũng như tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, Nguyên đơn không trình bày rõ được nội dung trên, ngoài ra các lời khai liên quan đến vấn đề này có sự khác nhau, không thống nhất nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét đối với nội dung khởi kiện này.

Mặt khác, đối với các căn cứ Nguyên đơn nêu để áp dụng tính lãi phát sinh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành ngày 15/3/2017. Điều 34 Thông tư 39 quy định: *“Đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: 1. Tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó”*. Tức là Thông tư này không áp dụng đối với Hợp đồng tín dụng ký ngày 05/7/2013 trong vụ án này. Việc Ngân hàng tính lãi phát sinh sau ngày 16/3/2017 căn cứ theo Thông tư này là không đúng quy định.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0207 có quy định tại Điều 10 về phạt chậm trả lãi vay, theo đó: *“Khi đến ngày trả lãi theo các kỳ hạn đã thỏa thuận, nếu Bên vay không trả lãi đúng hạn và không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay đó bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất vay trong hạn quy định trong Hợp đồng này. Bên vay phải chịu phạt chậm trả lãi vay tính trên số tiền lãi*

vay chậm trả và số ngày chậm trả với lãi suất phạt theo công thức sau:

$$\text{Số tiền phạt} = (\text{Số tiền lãi chậm trả} \times \text{Lãi suất phạt (150\% lãi suất vay trong hạn)} \times \text{số ngày chậm trả}) : 30$$

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: ***“Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/7/2017 được xác định như sau: Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả”***. Do vậy đối với hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/7/2017, ngoài lãi trong hạn và lãi quá hạn tính trên nợ gốc còn thiếu, pháp luật không cho phép các tổ chức tín dụng được tính lãi phát sinh trên nợ lãi hay tiền phạt chậm trả lãi vay đối với khách hàng. Do đó, trong vụ án này, từ thời điểm Bị đơn thanh toán hết nợ gốc (ngày 16/3/2017) đến ngày xét xử sơ thẩm, khoản tiền lãi quá hạn và trong hạn còn lại sẽ không phát sinh và không phải chịu lãi, chịu phạt. Do đó, quy định nêu tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng là trái với quy định của pháp luật.

Khoản tiền phát sinh sau ngày 16/3/2017, Ngân hàng xác định là lãi trên nợ lãi còn thiếu hay tiền lãi phạt trên lãi chậm trả đều không đúng quy định của pháp luật. Vì lẽ đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Bị đơn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền phát sinh nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Về việc đối trừ khoản tiền đã thanh toán cho Bị đơn:*

Theo hồ sơ vụ án, trong các ngày 28/04/2017, 31/5/2017, 25/10/2017, 11/5/2018, 28/02/2019, Bị đơn đã tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn số tiền tổng cộng là 225.000.000 đồng thông qua các “Giấy nộp tiền mặt” tương ứng với các ngày nêu trên. Ngân hàng cũng đã xác nhận nội dung này nên cần đối trừ khoản tiền này cho Bị đơn vào khoản tiền nợ lãi còn thiếu.

Do vậy, số tiền thực tế ông D bà Ng còn chưa thanh toán cho Ngân hàng là: $2.141.351.238 - 225.000.000 = 1.916.351.238$ (một tỷ chín trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng. Đây là số tiền mà Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Khoản tiền lãi phát sinh trên nợ lãi (hay phạt chậm trả lãi vay) Ngân hàng yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 là: $2.949.981.908 - 1.916.351.238 =$

1.033.630.670 (một tỷ không trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng). Đây là số tiền mà Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

4. Về yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án trường hợp ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng không thanh toán hết khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà Ng để thu hồi nợ:

Các đương sự thống nhất trình bày, tài sản thế chấp cho khoản vay đã được các bên thống nhất phương án xử lý trước thời điểm khởi kiện vụ án, ngoài ra không có tài sản thế chấp nào khác. Do vậy, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, khoản vay của ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng tại Ngân hàng TMCP Đ C VN là khoản vay không có bảo đảm.

“Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà Ng” theo như Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án về việc kê biên, phát mại không phải là tài sản bảo đảm trong vụ án nên yêu cầu này không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án xác định nghĩa vụ của ông D bà Ng đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền gửi đơn yêu cầu thi hành án đến cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

[III]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Đ C VN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 74; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 290; khoản 1 Điều 357; Điều 405; Điều 471; Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ C VN đối với ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng.

2. Buộc ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ C VN số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng trung- dài hạn số 0207/2013/HĐTD-CN.HN ngày 05/7/2013, cụ thể: nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 1.916.351.238 (một tỷ chín trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi một nghìn hai trăm ba mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ C VN đối với số tiền lãi phát sinh trên nợ lãi hay tiền lãi phạt trên lãi chậm trả tính sau ngày 16/3/2017, số tiền là: 1.033.630.670 (một tỷ không trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên trong bản án trường hợp ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng không thanh toán hết

khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà Ng để thu hồi nợ.

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Đ C VN phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 43.008.920 (bốn mươi ba triệu không trăm linh tám nghìn chín trăm hai mươi) đồng; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003502 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là: 43.135.196 đồng; Ngân hàng TMCP Đ C được trả lại số tiền là: 126.276 đồng.

Ông Tạ Hồng D và bà Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 69.490.538 (sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ C VN, bà Nguyễn Thị Bích Ng (bà Ng đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Hồng D).

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- LưuHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nam